

CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG NHẪM ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU GẠO CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH KHỦNG HOẢNG AN NINH LƯƠNG THỰC TOÀN CẦU

TS. Lê Như Quỳnh*

Những năm gần đây, xuất khẩu gạo của nước ta trong những năm qua đã đạt được những thành tựu đáng kể bất chấp tình hình thế giới có nhiều biến động. Bài viết sau đây sẽ phân tích chính sách tín dụng nhằm đẩy mạnh xuất khẩu gạo của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu; đánh giá những thành công, hạn chế và đưa ra một số gợi ý cho Việt Nam nhằm hoàn thiện chính sách tín dụng cho xuất khẩu gạo để có thể tận dụng cơ hội trong bối cảnh mới.

• Từ khóa: an ninh lương thực, chính sách tín dụng, Việt Nam, xuất khẩu gạo.

The article analyzes the credit policy to promote Vietnam's rice export in the context of the global food security crisis, evaluates the successes, limitations and gives some suggestions for Vietnam to improve the credit policy for rice export to be able to take advantage of opportunities in the new context.

• Key words: credit policy, food security, Vietnam, rice export.

JEL codes: E65, G38

Ngày gửi bài: 26/8/2024

Ngày gửi phản biện: 26/9/2024

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 07/10/2024

Ngày chấp nhận đăng: 04/11/2024

1. Đặt vấn đề

Lúa gạo là một trong những cây lương thực chính, cung cấp cho hơn 65% dân số trên thế giới. Hiện nay cùng với nguồn lực đất đai bị thu hẹp bởi xu hướng công nghiệp hóa và tốc độ tăng dân số quá nhanh, nhu cầu nhập khẩu lương thực của các nước tăng lên, trong khi khả năng tự giải quyết nhu cầu lương thực của các nước và những cam kết giúp đỡ, cứu trợ song phương lẫn đa phương về lương thực đều giảm. Theo Báo cáo Toàn cầu về Khủng hoảng Lương thực năm 2024, có hơn 282 triệu người ở 59 quốc gia và vùng lãnh thổ phải đối mặt với tình trạng mất an ninh lương thực trầm trọng vào năm 2023. Mối lo về an ninh lương thực toàn cầu tiếp tục lan rộng sang năm 2024 khiến cho hoạt động xuất khẩu gạo càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi vừa đem lại kim

ngạch cho các quốc gia, vừa góp phần thực hiện nhiệm vụ an ninh lương thực toàn cầu.

Việt Nam ngày càng khẳng định được vị trí của mình trên thị trường gạo thế giới và góp phần vào việc bảo đảm an ninh lương thực toàn cầu. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, xuất khẩu gạo vẫn còn nhiều bất cập, mà một trong những nguyên nhân quan trọng là hạn chế trong tiềm lực tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính vì những lý do trên, việc nghiên cứu và đánh giá chính sách tín dụng nhằm đẩy mạnh xuất khẩu gạo của Việt Nam trong bối cảnh khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu là rất cần thiết.

2. Khái quát tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam trong bối cảnh khủng hoảng an ninh lương thực quốc gia

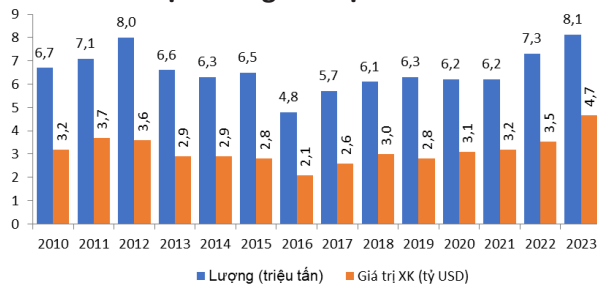
Năm 1989 đánh dấu sự kiện quan trọng khi Việt Nam lần đầu tiên xuất khẩu hơn 1 triệu tấn gạo ra thế giới, chấm dứt thời kỳ thiếu gạo và chuyển sang xuất khẩu. Từ đó đến nay (1989-2024), tình hình xuất khẩu gạo Việt Nam có xu hướng cải thiện cả về chất lượng và số lượng. Xét theo kim ngạch xuất khẩu, từ năm 2001 Việt Nam là một trong số 3 nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới và chiếm gần 20% thị phần toàn cầu.

Đến năm 2023, theo số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt con số ấn tượng với 8,13 triệu tấn gạo, kim ngạch đạt 4,67 tỷ USD; tăng 14,4% về lượng và tăng 35,3% về kim ngạch so với năm 2022 (là mức kim ngạch cao nhất trong lịch sử xuất khẩu gạo của nước ta). Sang năm 2024, tính chung 6 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo Việt Nam đạt kỷ lục 4,55 triệu tấn, với trị giá

* Trường Đại học Thương mại

thu về gần 2,9 tỷ USD, tăng 7,4% về lượng, tăng 28,1% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Điều này cho thấy khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu với tình trạng thiếu nguồn cung gạo do chính sách hạn chế xuất khẩu của một số quốc gia, hạn hán, xung đột địa chính trị... đang tác động đến xuất khẩu của Việt Nam theo chiều hướng có lợi.

Hình 1. Số lượng và giá trị xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 2010-2023



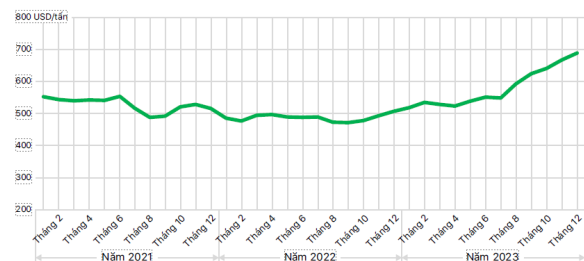
Nguồn: Tổng cục Hải quan (2010-2023)

Về cơ cấu thị trường gạo xuất khẩu, hiện gạo của Việt Nam đã có mặt ở gần 150 quốc gia và vùng lãnh thổ với các sản phẩm đa dạng. Năm 2023, Philippines tiếp tục là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam với khối lượng đạt hơn 3,1 triệu tấn, trị giá 1,75 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 38,5% về lượng và 37,5% về trị giá. Theo dữ liệu từ Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI), năm 2023 Việt Nam là thị trường cung cấp gạo lớn nhất vào Philippines, chiếm tới 84% tổng nhập khẩu. Tiếp theo là Indonesia, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang thị trường này đạt mức cao nhất trong 12 năm qua với gần 1,2 triệu tấn, với kim ngạch 640,2 triệu USD, tăng đột biến gấp 9,8 lần về lượng và tăng gần 10,9 lần về kim ngạch so với năm 2022, do Chính phủ Indonesia tăng cường nhập khẩu nhằm bảo đảm an ninh lương thực trong nước. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Philippines vẫn là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam, chiếm 42,6% trong tổng lượng và 41,8% tổng kim ngạch xuất khẩu, đạt hơn 1,9 triệu tấn, trị giá gần 1,2 tỷ USD, tăng 14,3% về lượng và 40,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Tiếp theo là Indonesia, Malaysia và một số thị trường khác cũng tăng cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Về giá gạo xuất khẩu, trong bối cảnh sản xuất lúa gạo tại nhiều quốc gia sụt giảm, khủng hoảng an ninh lương thực ngày càng trầm trọng và có xu hướng kéo dài đã đẩy nguồn cung gạo toàn cầu rơi vào trạng thái thiếu hụt, giá gạo tại các quốc gia sản xuất hàng đầu bao gồm Việt Nam tăng lên

mức cao nhất trong vòng 15 năm qua. Năm 2023, giá xuất khẩu gạo của Việt Nam tăng 18,3% so với năm 2022 (mức bình quân 575 USD/tấn). Đặc biệt, có nhiều thời điểm giá gạo xuất khẩu của Việt Nam ở mức cao nhất thế giới, vượt cả Thái Lan và Ấn Độ. Trong quý II năm 2024, giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam đạt 618 USD/tấn, giảm 5,6% so với quý I, song tăng 15,4% so với quý II năm 2023. Nếu so với giá đỉnh đạt được vào tháng 1 năm nay thì giá gạo giao dịch của Việt Nam trên thị trường thế giới những tháng gần đây có giảm nhưng mặt bằng chung vẫn cao hơn các năm.

Hình 2. Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các năm 2021-2023



Nguồn: Tổng cục Hải quan (2023)

Nhìn chung, bên cạnh những kết quả đạt được trong những năm qua, hoạt động xuất khẩu gạo Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế như thị trường xuất khẩu chính vẫn tập trung vào các nước châu Á truyền thống (Philippines, Indonesia, Trung Quốc...), các thị trường EU, Mỹ, Nhật Bản còn hạn chế; chủ yếu xuất khẩu thô, hầu hết đều chưa có thương hiệu riêng do có quá nhiều giống lúa với chất lượng hạt khác biệt nhau, dẫn đến không đồng nhất về chất lượng. Do vậy, trong thời gian tới để nâng cao hiệu quả xuất khẩu rất cần phải hoàn thiện các chính sách tín dụng cho xuất khẩu gạo.

3. Thực trạng chính sách tín dụng cho xuất khẩu gạo của Việt Nam trong bối cảnh khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu

Hiện nay đã có trên 50 tổ chức tín dụng và hơn 1.000 quỹ tín dụng nhân dân tham gia cho vay lĩnh vực lúa, gạo (theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước). Tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay ngành lúa, gạo trong giai đoạn 2016 - 2020 luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (bình quân/năm tín dụng ngành lúa, gạo tăng 24%, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nói chung tăng 18,16%) (Phạm Minh Thụy, 2024). Tính từ năm 2020 đến tháng 06/2023, mặc dù đại dịch COVID-19 đã làm đứt gãy nhiều chuỗi cung

ứng và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến SXKD nhưng tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay ngành lúa, gạo trên toàn quốc vẫn đạt tỷ lệ là 17,86%/năm. Trong đó, dư nợ tập trung phần lớn vào khâu thu mua, tiêu thụ thóc, gạo (chiếm khoảng 72% dư nợ ngành lúa, gạo). Tính đến cuối tháng 06/2023, dư nợ cho vay ngành lúa, gạo toàn quốc đạt khoảng 196.000 tỷ đồng, tăng gần 17% so với cuối năm 2022, chiếm 7% tổng dư nợ cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, với trên 250.000 khách hàng còn dư nợ.

Trước tình hình đó, nhiều chính sách tín dụng cho xuất khẩu gạo của Việt Nam đã được ban hành:

Những năm qua, Chính phủ đã triển khai nhiều chính sách đề hướng dòng vốn tín dụng vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, tiêu biểu như: Chính sách hỗ trợ tín dụng cho trồng trọt theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2009; Quyết định số 1050/QĐ-NHNN ngày 28/05/2014 “Về chương trình cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 5 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ”; Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Chính sách hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/05/2022 của Chính phủ; chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023... Trong bối cảnh khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu, các chính sách này đã hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất và xuất khẩu nhằm góp phần gia tăng hiệu quả xuất khẩu gạo. Cụ thể như sau:

- Các chính sách được sửa đổi bổ sung hoàn thiện phù hợp với thực tế phát triển của ngành, như Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/04/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, sau đó được thay thế bởi Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015. Theo đó, các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu mối ký hợp đồng thực hiện dự án liên kết theo chuỗi giá trị ngành lúa, gạo với tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất lúa, gạo được xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 80% giá trị của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh theo mô hình liên kết.

- Cũng theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc triển khai đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp, trong đó có các chính sách khuyến khích triển khai phát triển các mô hình hợp tác, liên kết, ứng dụng khoa học, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, thực tế cho đến nay, chưa có chính sách cụ thể nào được triển khai để khuyến khích phát triển các mô hình hợp tác, liên kết trong chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu. Điều đó cho thấy, việc liên kết, phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong xây dựng, triển khai chính sách cũng chưa thực sự quyết liệt.

Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/09/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP với nhiều cơ chế ưu đãi đột phá, phù hợp với thực tiễn, như: nâng mức cho vay không có tài sản đảm bảo, chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp đầu mối tổ chức mô hình liên kết với nông dân từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao gia tăng giá trị sản phẩm.....

Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành cơ chế hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân khi vay vốn ngân hàng để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, chế biến lúa gạo... nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, như: Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2010; Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ban hành ngày 02 tháng 12 năm 2011 và Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013.

Về chương trình cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp, trong đó có chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 1050/QĐ-NHNN, ngày 28/05/2014 “Về chương trình cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 5 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ” theo chỉ đạo của Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02/2014. Theo đó, các doanh nghiệp khi tham gia chương trình được hưởng nhiều cơ chế cho vay đặc thù, như: Lãi suất cho vay ưu đãi thấp hơn lãi suất cho vay thông thường từ 1-1,5%/năm; lãi suất tối đa 7%/năm đối với cho vay ngắn hạn; 10%/năm đối với cho vay trung hạn và 10,5%/năm đối với vay dài hạn; mức cho vay tối đa lên đến 70% giá trị của phương án, dự án vay vốn phục vụ cho các mô hình sản xuất theo chuỗi cung

ứng. Những mô hình liên kết theo chuỗi cung ứng khép kín từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ sản phẩm có thời gian vay trên 12 tháng (nhưng không quá 18 tháng), mỗi khâu (sản xuất, chế biến, tiêu thụ) đều dưới 12 tháng và khách hàng cam kết trả một phần nợ sau mỗi khâu của chuỗi thì ngân hàng thương mại xem xét áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn đối với khách hàng. Ngân hàng có thể xem xét cho vay không cần tài sản bảo đảm trên cơ sở kiểm soát dòng tiền.

Chương trình cho vay thí điểm này có nhiều tác động tích cực đối với hoạt động xuất khẩu gạo. Chương trình đã hỗ trợ phát triển chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu, mở thêm cơ hội tiếp cận các dịch vụ tài chính của hộ nông dân và doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho ngành lúa, gạo theo hướng phát triển bền vững. Sau một thời gian triển khai, mô hình thí điểm cho vay theo chuỗi đã góp phần tạo ra sự gắn kết chặt chẽ, chia sẻ hài hòa lợi ích và rủi ro giữa người nông dân và doanh nghiệp; giải quyết những khó khăn về vốn hay không đủ tài sản bảo đảm để vay vốn sản xuất của khách hàng; nguồn nguyên liệu đầu vào của các doanh nghiệp cũng được bảo đảm. Các doanh nghiệp có thời gian tìm kiếm thị trường, chủ động đàm phán với doanh nghiệp nước ngoài để xuất khẩu sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh, giúp các doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện phát triển ổn định, bền vững và tăng kim ngạch xuất khẩu. Ngoài ra, mô hình cũng góp phần giải quyết vấn đề thị trường tiêu thụ, bảo đảm giá cả đầu vào và đầu ra cho người nông dân, từ đó giúp họ yên tâm sản xuất.

Để hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu nói chung và xuất khẩu lúa, gạo nói riêng trong việc giảm chi phí vay vốn, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành quy định cho phép các tổ chức tín dụng được cho vay bằng ngoại tệ đối với các nhu cầu vốn ngắn hạn thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam mà khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu xuất khẩu để trả nợ vay (Thông tư 42/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư 24/2015/TT-NHNN). Về lãi suất, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành chính sách trần lãi suất ngắn hạn VND đối với lĩnh vực ưu tiên, trong đó có lĩnh vực lúa gạo, thủy sản. Từ tháng 06/2023, Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh giảm trần lãi suất đối với lĩnh vực này xuống mức 4%/năm.

Nhằm tháo gỡ khó khăn cho khách hàng thuộc các ngành nghề, lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực lúa

gạo, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ (Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023) để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho khách hàng được kéo dài thời gian trả nợ mà không bị chuyển nhóm nợ xấu và được tiếp cận các khoản vay mới phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Những chính sách tín dụng trên của Nhà nước đã góp phần tăng cường năng lực tài chính, từ đó nâng cao hiệu quả xuất khẩu gạo trước những rủi ro thị trường, rủi ro thời tiết, dịch bệnh... Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, chính sách tín dụng đối với chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu của Việt Nam vẫn còn tồn tại một số hạn chế:

Thứ nhất, các điều kiện cho vay vốn của chính sách tín dụng còn khá phức tạp, gây khó khăn cho thương nhân xuất khẩu gạo tiếp cận vốn.

Người dân và doanh nghiệp do tài sản ít nên việc vay vốn cần thế chấp bằng tài sản gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, hầu hết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu vực nông thôn chỉ mới chứng nhận quyền sử dụng đất, còn phần tài sản gắn liền trên đất không được các cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sở hữu nên khi thực hiện công chứng tài sản thế chấp, các văn phòng công chứng chỉ công nhận việc thế chấp bằng quyền sử dụng đất, còn tài sản gắn liền trên đất chưa được cấp quyền sở hữu, gây khó khăn cho doanh nghiệp và ngân hàng trong việc định giá và nhận thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay (Phạm Minh Thụy, 2024).

Thứ hai, hạn mức cho vay tín dụng chưa đáp ứng được nhu cầu thực sự của các hộ nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.

Các chính sách tín dụng hiện chủ yếu quy định thời gian giải ngân chậm, thời hạn cho vay vốn ngắn. Mặc dù Nghị định số 116/2018/NĐ-CP quy định nâng mức cho vay tối đa không có tài sản bảo đảm, tuy nhiên mức cho vay này vẫn còn thấp so với nhu cầu thực tế của các hộ nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu.

Thứ ba, lãi suất cho vay còn cao, gây khó khăn cho hộ nông dân và doanh nghiệp.

Lãi suất cho vay chưa thực sự ưu đãi nhiều so với lãi suất thông thường; các hình thức cho vay, bảo lãnh tín dụng chưa đa dạng chưa tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh, tiêu thụ, xuất khẩu của doanh nghiệp và hộ nông dân sản xuất lúa gạo.

Thứ tư, chưa có những sản phẩm tín dụng chuyên biệt cho nhu cầu của từng nhóm khách hàng khác nhau.

4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách xuất khẩu gạo của Việt Nam nhằm đảm bảo an ninh lương thực toàn cầu

Tác giả đưa ra một số gợi ý cho điều chỉnh chính sách tín dụng cho xuất khẩu gạo để khắc phục những khiếm khuyết hiện nay như sau:

Thứ nhất, cần tạo điều kiện cho người nông dân và các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn hơn.

Cần nghiên cứu các cơ chế, điều kiện cho vay phù hợp để đảm bảo đa số người dân tiếp cận được với nguồn vốn tín dụng nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh đó, cần giải quyết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tất cả các chủ sử dụng đất hiện tại (không có tranh chấp); đơn giản hóa và hướng dẫn chi tiết thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất... từ đó tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và ngân hàng trong việc định giá và nhận thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Thứ hai, nâng hạn mức cho vay đáp ứng nhu cầu vốn của nông dân và doanh nghiệp

Cần nâng hạn mức cho vay để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cần thiết của các hộ nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, đồng thời mở rộng hình thức bảo đảm tiền vay và có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đủ điều kiện được vay tín chấp khi đến vụ thu hoạch lúa hoặc có giải pháp an toàn hơn, vừa bảo đảm quyền lợi của ngân hàng, vừa giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn rộng rãi.

Thứ ba, có những giải pháp nhằm giảm lãi suất cho vay đối với hộ nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu.

Ngân hàng Nhà nước cần tiếp tục có các giải pháp mạnh mẽ, cụ thể để điều hành tăng trưởng khối lượng và cơ cấu tín dụng hợp lý, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế; rà soát các gói tín dụng ưu tiên với các điều kiện cho vay kịp thời, thuận lợi, thông thoáng, linh hoạt, khả thi, hợp lý hơn.

Thứ tư, đa dạng nguồn tài trợ và kênh phân phối cho tín dụng nông nghiệp, nông thôn nhằm chủ động trong nguồn lực cho vay

Việc tham gia triển khai chính sách cần sự tích cực tham gia của tất cả các tổ chức tín dụng; từ việc phát triển các nguồn tài trợ bắt buộc từ tiền

gửi, trái phiếu nông nghiệp thay vì chỉ dừng lại tại các gói tín dụng và nguồn trợ cấp từ ngân sách nhà nước.

Thứ năm, phát triển các sản phẩm tín dụng đặc thù, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng đi vay

Cần có chính sách ưu tiên, tập trung, có trọng tâm, trọng điểm cho vay đối với các liên kết theo chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu. Bên cạnh đó, cần có chính sách riêng dành cho các đối tượng đặc thù, yếu tố để có những cơ chế và điều kiện cho vay phù hợp với từng đối tượng, qua đó tăng khả năng hấp thụ vốn tín dụng.

Kết luận

Chính sách tín dụng cho xuất khẩu gạo của Việt Nam đã đạt được nhiều thành công, thể hiện ở kết quả tích cực trong xuất khẩu gạo thời gian qua. Tuy nhiên, chính sách này vẫn còn những hạn chế cần được kịp thời bổ sung, hoàn thiện. Một số giải pháp có thể gợi ý cho các nhà quản lý tham khảo như: đơn giản, minh bạch hóa quy trình, thủ tục, điều kiện cho vay vốn nhằm tạo điều kiện cho người nông dân và các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn; nâng hạn mức cho vay đáp ứng nhu cầu vốn của nông dân và doanh nghiệp; có những giải pháp nhằm giảm lãi suất cho vay đối với hộ nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu hay phát triển các sản phẩm tín dụng đặc thù, phù hợp với nhu cầu của người nông dân, hộ gia đình, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất nông nghiệp, doanh nghiệp địa phương... Các giải pháp trên nếu được thực hiện kịp thời và đồng bộ có thể nâng cao hiệu quả xuất khẩu gạo của Việt Nam trong bối cảnh khủng hoảng an ninh lương thực toàn cầu.

Tài liệu tham khảo:

- Lương Thanh Hải (2022), Những vấn đề về xuất khẩu nông sản của Việt Nam: kinh nghiệm xuất khẩu nông sản của một số nước ASEAN và bài học cho Việt Nam (phần 8), <https://violet.org.vn/vn/>, truy cập ngày 15/12/2022.
- Nguyễn Cảnh Hiệp (2017), Đổi mới chính sách tín dụng xuất khẩu của Nhà nước trong giai đoạn tái cơ cấu kinh tế hiện nay, *Tạp chí Kinh tế Đối ngoại* số 88/2017
- Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) (2024), Báo cáo Toàn cầu về Khủng hoảng Lương thực
- Trần Tiến Khai (2010), Chính sách xuất khẩu lúa gạo Việt Nam và những vấn đề cần điều chỉnh, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa Học Xã Hội và Phát Triển Bền Vững Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long*, Cần Thơ.
- Nguyễn Đức Thành (2014), Chính sách xuất khẩu gạo hiện nay và tương lai của người sản xuất nhỏ ở Việt Nam: Cách tiếp cận cấu trúc thị trường
- Phạm Minh Thủy, Vũ Thị Đào, Hoàng Thị Vân (2024), Giải pháp hoàn thiện chính sách tín dụng phát triển chuỗi cung ứng gạo xuất khẩu của Việt Nam, *Tạp chí Cộng sản*
- VietnamBiz (2023, 2024), Báo cáo thị trường gạo năm 2023, Báo cáo thị trường gạo quý I năm 2024, Báo cáo thị trường gạo quý II năm 2024
- World Bank (2022), Food Security update, Washington DC 20433
- <https://www.customs.gov>